



UBND QUẬN LONG BIÊN

TRƯỜNG THCS THANH AM



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HKI

KHỐI 6

Họ và tên:.....

Lớp:

Năm học 2024-2025



MÔN : TIẾNG ANH 6

PART A: USE OF LANGUAGE

I. Topics: Units: 1 - 6

II. Vocabulary:

- Unit 1: My new school
- Unit 2: My house
- Unit 3: My friends
- Unit 4: My neighbourhood
- Unit 5: Natural wonders of Viet Nam
- Unit 6: Our Tet holiday

II. Grammar:

1. Present simple – Hiện tại đơn

Form	
To be (+) S + am/is/are + O + ... (-) S + am/is/are + not + O + ... (?) Am/Is/Are + S + O + ...? Verbs (+) S + V(s/es) + O + ... (-) S + don't/ doesn't + V(nguyên thể) + O + ... (?) Do/Does + S + V(nguyên thể) + O + ...?	<i>She is a teacher.</i> <i>She isn't a teacher.</i> <i>Is she a teacher?</i> <i>John goes to school everyday.</i> <i>John doesn't go to school everyday.</i> <i>Does John go to school everyday?</i>
Usage	
- Sự việc diễn ra lặp đi lặp lại hay một thói quen - Sự thật hiển nhiên, chân lý luôn đúng - Lịch trình có sẵn, cố định	<i>They drive to the office every day.</i> <i>The Earth moves around the Sun.</i> <i>Christmas Day falls on a Monday this year.</i>
Signal words	
- Trạng từ tần suất: Always, Usually, Sometimes, Often, Never, - Every + day/ week/ month/ year/ - Once, twice, three times, four times,	

2. Adverbs of frequency – Trạng từ chỉ tần suất.

- Trạng ngữ chỉ tần suất được dùng khi muốn biểu đạt hay mô tả về mức độ thường xuyên của một hành động nào đó.

- Always(luôn luôn), usually(thường xuyên), sometimes(thỉnh thoảng), never(không bao giờ), rarely(hiếm khi), seldom(hiếm khi), frequently(thường xuyên), often(thường xuyên),....

- Vị trí của trạng ngữ chỉ tần suất:

+ Trước động từ thường: My boyfriend sometimes writes email to me.

+ Sau động từ "to be": She is always very happy.

+ Sau trợ động từ: He doesn't usually play football.

3. Possessive case – Sở hữu cách.

3.1. Định nghĩa:

Sở hữu cách (possessive case) là một hình thức chỉ quyền sở hữu của một người đối với một người hay một vật khác để từ đó làm rõ thêm cho đối tượng đang được nhắc đến.

3.2. Công thức:

Người làm chủ + 'S + vật/ người thuộc quyền sở hữu.

Eg: Lan's house: Nhà của Lan.

3.3. Cách viết sở hữu cách:

- Ta thêm 's vào sau danh từ số ít, danh từ không đếm được hoặc danh từ số nhiều nhưng không kết thúc bằng s.

E.g: Jack's shoes, Their children's room

- Ta chỉ thêm ' vào sau danh từ số nhiều hoặc từ tận cùng là s.

E.g: The parents' room

4. Prepositions of place – Giới từ chỉ vị trí.

- Giới từ chỉ vị trí mô tả vị trí của người hoặc vật.
- Một vài giới từ chỉ vị trí: In (bên trong), on (bên trên), behind (phía sau), under (phía dưới), next to (bên cạnh), in front of (đằng trước), between (ở giữa), opposite (đối diện), ...
- Vị trí của giới từ: Giới từ chỉ vị trí thường đứng sau động từ tobe và đứng trước danh từ.

Eg: *The lamp is opposite the sofa.*

5. Present continuous – Hiện tại tiếp diễn.

Form	
(+) S + am/is/are + V-ing +...	<i>He is reading a book now.</i>
(-) S + am/is/are + not + V-ing +	<i>He isn't reading a book now.</i>
(?) Am/Is/Are + S + V-ing + ...?	<i>Is he reading a book now?</i>
Usage	
- Diễn đạt một hành động đang xảy ra tại thời điểm nói. - Diễn tả một hành động, sự việc đang diễn ra nhưng không nhất thiết phải diễn ra ngay lúc nói. - Diễn đạt một hành động sắp xảy ra trong tương lai gần. Thường diễn tả một kế hoạch đã lên lịch sẵn. - Hành động thường xuyên lặp lại gây sự bức mình, khó chịu cho người nói. Cách dùng này được dùng với trạng từ "always".	<i>I am eating my lunch right now.</i> <i>I'm quite busy these days. I'm learning for my final exam.</i> <i>I am flying to London tomorrow.</i> <i>He is always losing his keys.</i>
Signal words	
- Trong câu có các trạng từ chỉ thời gian: now (bây giờ), right now (ngay bây giờ), at the moment (lúc này), at present (hiện tại), at this time (bây giờ). - At + giờ cụ thể (at 12 o'clock) - Trong câu có các từ như: Look! (nhìn kia), Listen (hãy nghe này), Keep silent! (Trật tự), Be careful! (Cẩn thận), Hurry up! (Hãy nhanh lên)...	

6. Comparative adjectives – So sánh hơn của tính từ.

Form	
S1 + be + adj-er + than + S2 (noun/pronoun). S1 + be + more + adj + than S2 (noun/pronoun).	<i>Ha Noi is bigger than Hung Yen.</i> <i>Binh is more clever than Long.</i>
How to form comparative adjectives	
- Đối với tính từ ngắn (1 âm tiết), không kết thúc bằng đuôi "ly". • Kết thúc bằng "e" thêm r. • Kết thúc là một phụ âm, trước phụ âm là nguyên âm (u,e,o,a,i) thì gấp đôi phụ âm + er • Còn lại + er. - Đối với tính từ có kết thúc bằng "ly" → Đổi thành "i" + er - Đối với tính từ dài (từ 2 âm tiết trở lên): Thêm "more" trước tính từ.	<i>large → larger</i> <i>tall → taller</i> <i>short → shorter</i> <i>noisy → noisier</i> <i>beautiful → more beautiful</i>
Notes - Những tính từ đặc biệt	
Good → Better Bad → Worse Far → Farther /Further	Old → Older/ Elder Little → Less Many → More (Danh từ đếm được) Much → More (Danh từ không đếm được)

7. Countable and uncountable nouns. (Danh từ đếm được và không đếm được)

Countable nouns	Uncountable nouns
Là những sự vật có thể đếm được số lượng cụ thể Eg: <i>a school, a phone, ...</i>	Là những sự vật không đếm được bằng số lượng cụ thể. Eg: <i>rice, sugar, water, ...</i>
Đi cùng với mạo từ a/an/the.	Đi kèm với mạo từ "the" hoặc danh từ khác.

Eg: A ruler, an apple, ...	Eg: the music, the information, ...
Đi cùng với các số đếm.	Đi cùng với các đơn vị đo lường.
Eg: Two apples, three candles, ten pens, ...	Eg: a glass of water, two bottles of juice, ...
Đứng sau a few, many, some.	Đứng sau a little, much, some.
Eg: many tables, a few carrots, ...	Eg: much rain, some sugar, ...

8. Modal verb: must/mustn't – Động từ khuyết thiếu “Must”

Must là động từ hình thái được dùng để diễn tả sự bắt buộc.

Dạng phủ định của must là mustn't mang ý nghĩa ngược lại là không được phép.

8.1. Must

Dùng để diễn tả sự bắt buộc, mệnh lệnh.

S + must + V(nguyên thể) + ...

Eg: You must wear swimsuit in the pool. (Bạn phải mặc đồ bơi trong hồ bơi)

8.2. Mustn't

Dùng mustn't khi muốn ngăn cản ai đó làm điều gì không được phép.

S + mustn't + V(nguyên thể) + ...

Eg: You mustn't step on grass. (Bạn không được phép giẫm lên cỏ)

9. Should/shouldn't for advice

Form	
S + should + V (nguyên thể) + ...	You should go to bed early.
S + should not + V(nguyên thể) + ... (shouldn't)	You shouldn't buy fireworks.
Should + S + V(nguyên thể) + ... ?	Should we buy a new car?

10. Some/any for amount

Some	- Đứng trước danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được. - E.g: There are some bananas on the table. - He needs some time to relax. - Dùng trong câu khẳng định. - E.g: My brother drank some beer last night. - Dùng trong câu yêu cầu hoặc đề nghị. - E.g: Would you like some coffee?
Any	- Đứng trước danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được. - E.g: There aren't any students in the class. - Dùng trong câu phủ định và câu hỏi. - E.g: She doesn't buy any milk. - Does he give you any oranges? - Dùng trong câu khẳng định nhưng mang nghĩa là "bất kì". - E.g: Any day at school is fun.

III. Pronunciation:

- Sounds: /ɑ:/ and /ʌ/; /b/ and /p/; /l/ and /i:/; /t/ and /d/; /s/ and /ʃ/
- Final sounds: /s/ and /z/

IV. Speaking:

- Introduce and answer teacher's questions.
- Present the topic and answer teacher's questions

1. Talk about your new school.

- What is the name of the school?
- Where is it? What is it like?
- What do you like about your school?

2. Talk about your house.

- What type of house do you live in?
- How many rooms are there in your house? What are they?

- What is your favourite room? Why?

3. Talk about your friends.

- Who is this person?
- What does he/she look like?
- What kind of personality does your friend have?

4. Talk about your neighbourhood.

- Where do you live?
- What is your neighbourhood like?
- What do you like and dislike about your neighbourhood?

5. Talk about natural wonders of Viet Nam.

- Name a natural wonder of Viet Nam.
- Where is it? What is special about it?
- Why do you like it?

6. Talk about Tet holiday.

- When is Tet holiday celebrated?
- What do Vietnamese people do during Tet?
- Do you like Tet holiday? Why?

PART B: PRACTICE

Exercise 1: Choose the word whose underlined part differs from the others in pronunciation in each of the following questions.

- | | | | |
|----------------|----------------|--------------|--------------|
| 1. A. compass | B. parking lot | C. classroom | D. garden |
| 2. A. maps | B. hats | C. knocks | D. bees |
| 3. A. cookers | B. notebooks | C. posters | D. tables |
| 4. A. meat | B. read | C. cheap | D. coffee |
| 5. A. heavy | B. cheap | C. tea | D. sea |
| 6. A. kite | B. image | C. bridge | D. hill |
| 7. A. vision | B. minute | C. polite | D. kitten |
| 8. A. boat | B. desert | C. question | D. mountain |
| 9. A. decorate | B. holiday | C. reading | D. Wednesday |
| 10. A. sound | B. sand | C. second | D. sugar |

Exercise 2: Choose the word that differs from the others in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|-----------------|----------------|--------------|--------------|
| 1. A. excited | B. surround | C. classmate | D. behind |
| 2. A. become | B. dislike | C. eraser | D. subject |
| 3. A. apartment | B. cupboard | C. poster | D. sofa |
| 4. A. motorbike | B. countryside | C. pagoda | D. beautiful |
| 5. A. peaceful | B. another | C. simple | D. friendly |
| 6. A. plaster | B. mountain | C. beside | D. subject |

Exercise 3: Mark the letter A, B, C, D to indicate the correct answer to each of following the questions.

1. What time does Lan _____ every morning?
A. get up B. gets up C. gets D. get
2. My sister goes to a _____ school, so she only comes home at weekends.
A. private B. boarding C. public D. international
3. What are there _____ our neighborhood?
A. at B. on C. in D. from
4. Be careful! James _____ so fast.
A. are driving B. drives C. is driving D. drive
5. Our classroom is _____ the third floor.
A. from B. in C. at D. on
6. The streets in Hoi An ancient town are _____ and no cars are allowed.
A. convenient B. wide C. modern D. narrow

7. Living in the city is _____ than living in the countryside.
A. more expensive B. expensiver C. more expensiver D. expensive
8. Turn left _____ the traffic lights and the museum is _____ your left.
A. in - on B. at - in C. at - on D. on - in
9. Winter is _____ than summer.
A. colder B. more cold C. more colder D. colder
10. The square in Ha Noi is _____ than the square in Hoi An.
A. big B. bigger C. more big D. bigger
11. This motorbike is _____ than that one.
A. cheaper B. more cheaper C. more cheap D. cheaper
12. Ha Long Bay is famous _____ its beautiful islands.
A. to B. with C. for D. by
13. When hiking overnight, don't forget to bring the _____. It will keep you warm at night.
A. sun cream B. hiking boots C. sleeping bag D. painkillers
14. The Hang Son Doong is one of the natural _____ of the Viet Nam.
A. scenery B. sights C. materials D. wonders
15. There isn't _____ orange juice in the fridge. It's empty.
A. any B. some C. a few D. a little
16. I want to speak English better. I _____ practise more.
A. can't B. mustn't C. must D. shouldn't
17. Students _____ copy their classmates' work.
A. should B. mustn't C. must D. not
18. This year, Vietnamese people celebrate Tet _____ February.
A. of B. on C. in D. at
19. On the first day of Tet, people often go to _____ to pray for a good new year.
A. cinemas B. pagodas C. museums D. art galleries
20. What _____ you _____ on TV now?
A. are - watching B. are - watch C. do - watch D. does - watch
21. Jane usually _____ a taxi to the railway station.
A. takes B. does take C. is taking D. take
22. The weather today is _____ than it was yesterday.
A. gooder B. good C. more good D. better
23. I need to buy _____ painkillers.
A. much B. a C. some D. a little
24. You _____ break anything during Tet holiday. It is unlucky.
A. should B. shouldn't C. can D. don't
25. Hurry up! We only have _____ time before the train leaves.
A. many B. a few C. much D. a little
26. He must _____ on time.
A. are arriving B. to arrive C. arrives D. arrive
27. Children often _____ lucky money during Tet.
A. give B. send C. receive D. buy
28. We should _____ our grandparents at Tet.
A. to visit B. visit C. visiting D. visited
29. 'Can you tell me the way to Tan Ky House please?'
'_____. Go straight, then turn right.'
A. Certainly B. Let's go C. Good idea! D. My pleasure
30. Shall we go to the museum this weekend?
A. No problem. B. Good idea! C. Not at all. D. What a pity!

Exercise 4: Choose the word or phrase that is CLOSEST in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

1. Try to be quick! We're late already.
A. slow B. fast C. long D. short

2. You can enjoy great Vietnamese seafood in Ha Long Bay.
A. hate B. like C. dislike D. love
3. This park is more beautiful than that park.
A. kind B. nice C. big D. small
4. Forest is being cleared to make way for new farming land.
A. Wood B. Animal C. River D. Plant

Exercise 5: Choose the word or phrase that is OPPOSITE in meaning to underlined part in each of the following sentences.

1. It's too polluted for me to live in this area.
A. interesting B. fresh C. convenient D. comfortable
2. My computer is noticeably slower than before.
A. faster B. lower C. shorter D. higher
3. Is a house in the city more expensive than a house in the countryside?
A. cheap B. convenient C. beautiful D. interesting
4. The city is modern with a lot of houses, shops, buildings and theatres...
A. new B. big C. fantastic D. historic

Exercise 6: Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

Welcome to the New School Year: Important Rules and Guidelines

Dear Students,

Welcome back to school! We are very excited (1) _____ the new school year.

We are making some rules to keep our school safe and friendly for everyone

- Remember to (2) _____ at classes on time, at 7.15 a.m

- Wear your school (3) _____ from Monday to Friday.

- Respect your teachers.

- Be (4) _____ and kind to other students.

Please follow all the rules and encourage others to do the same! Let's make this year a great one!

Principal.

- | | | | |
|--------------|------------|------------|--------------|
| 1. A. at | B. for | C. about | D. in |
| 2. A. arrive | B. arrives | C. arrival | D. arrived |
| 3. A. rubber | B. compass | C. pencil | D. uniform |
| 4. A. help | B. helps | C. helpful | D. helpfully |

Exercise 7: Choose the word or phrase among A, B, C or D that the best fits the blank space in the following passage.

I live (1) _____ a small village called Northville. There are about 2300 people here. I love the village because it is very quiet and (2) _____. The village is always clean; people (3) _____ it with great care. Living in the countryside is (4) _____ living in the city. The air is always fresh because the countryside doesn't (5) _____ much traffic. People are friendly and if someone has a problem, there are always people who can help. Many people in the countryside grow their own fruits and vegetables in their gardens.

There are only a few things that I don't like about Northville. One thing is that we don't have many things to do in the evening; we haven't got any art galleries and museums. The other thing is that people always talk about each other and everyone knows what everyone is doing. But I still prefer village life to life in a big city.

- | | | | |
|---------------|-------------|--------------|---------------|
| 1. A. of | B. on | C. about | D. in |
| 2. A. busy | B. crowded | C. noisy | D. peaceful |
| 3. A. look up | B. look for | C. look away | D. look after |

4. A. more cheap than B. cheap than C. cheaper than D. more cheaper than
 5. A. has B. have C. having D. is having

Exercise 8: Choose the word or phrase among A, B, C or D that the best fits the blank space in the following passage.

Tra Co Beach in Quang Ninh province is 9 kilometers from Mong Cai. It has the (1) _____ and the most romantic beach in Viet Nam. Tourists can enjoy the (2) _____ of white sand beaches and green sea water all year (3) _____. Visitors can (4) _____ enjoy the sunset or sunrise in Con Mang islet. You can visit Tra Co Communal House, Linh Khanh Pagoda, and Tra Co Church. If tourists want some fresh (5) _____, they can find it from fishing boats. They can take part in "Tra Co Festival" from May 30 to June 6.

1. A. long B. longer C. longest D. much longer
 2. A. beauty B. beautiful C. of beauty D. pretty
 3. A. over B. long C. round D. longer
 4. A. be B. be able C. then D. also
 5. A. menu B. seafood C. air D. water

Exercise 9: Read the following passage and mark the letter A, B, C, D to indicate the correct answer to each of the questions.

London is the capital city of the United Kingdom. There are a lot of cars in the city. People go everywhere by car, so traffic in the city center is heavier than that in the suburbs. It is harder to find a place to park a car than to do it in other areas. The public means of transport is cheaper than cars but the Londoners prefer their cars. Moreover, there are more and more tourists and visitors coming to London for sightseeing or shopping. At weekends, the streets are noisier and busier than they are on weekdays. Now, traffic jams are worse than ever before.

Although the living cost in the suburbs and the countryside is cheaper than that in the city center, the youngest people prefer living in the city center. London is richer than other cities in the United Kingdom, but it is more polluted because of the city industry, vehicles, and plenty of people.

1. How is the traffic in London?
 A. Traffic in the city center is better than before.
 B. Traffic in the suburbs is better than before.
 C. Traffic in the city center is heavier than that in the suburbs.
 D. Traffic in the suburbs is heavier than that in the city center.
2. People in London prefer to go around _____.
 A. by their cars
 B. by public means of transport
 C. by both their cars and public means of transport
 D. by any vehicles
3. How are the streets in London at weekends?
 A. There is less traffic. B. The streets are noisier.
 C. Traffic jams are better. D. The traffic is not heavier.
4. The living cost in the city center is _____.
 A. cheaper than that in the suburbs and the countryside
 B. not expensive but people like to live in the suburbs and the countryside
 C. not cheap so more people want to leave there now
 D. more expensive than that in the suburbs and the countryside
5. The word "it" refers to _____.
 A. London B. The United Kingdom C. city D. center

Exercise 10: Mark the letter A, B, C, or D to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

1. The museum is bigger than the art gallery.

- A. The art gallery is more smaller than the museum.
- B. The art gallery is more small than the museum.
- C. The art gallery is smaller than the museum.
- D. The art gallery are smaller than the museum.

2. The food here is worse than my cooking.

- A. My cooking is better than the food here.
- B. My cooking is gooder than the food here.
- C. My cooking is more good than the food here.
- D. The food here is better than my cooking.

3. It's a good idea to go to pagoda on New Year's Eve.

- A. We must go to pagoda on New Year's Eve.
- B. We should going to pagoda on New Year's Eve.
- C. We shouldn't go to pagoda on New Year's Eve.
- D. We should go to pagoda on New Year's Eve.

4. The TV is in front of the window.

- A. The window are behind the TV.
- B. The window is behind the TV.
- C. The window is in front of the TV.
- D. The window behind the TV.

5. There are three museums in my town.

- A. My town has three museum.
- B. My town have three museums.
- C. My town has three museums.
- D. My town have three museum.

6. We are not allowed to pick flowers in the school garden.

- A. We mustn't pick flowers in the school garden.
- B. We must pick flowers in the school garden.
- C. We mustn't to pick flowers in the school garden.
- D. We must to pick flowers in the school garden.

7. Getting up early every day is good for your health.

- A. You shouldn't gets up early everyday.
- B. You should get up early everyday.
- C. You shouldn't get up early everyday.
- D. You should to get up early everyday.

8. Don't be late for school.

- A. You should late for school.
- B. You shouldn't late for school.
- C. You should be late for school.
- D. You shouldn't be late for school.

Exercise 11: Mark the letter A, B, C or D to indicate the most meaningful sentence written from the given words.

1. Mary/ usually/ drink/ tea/ her friends/ the morning.

- A. Mary usually drinks tea with her friends in the morning.
- B. Mary usually drink tea with her friends in the morning.
- C. Mary usually drinking tea with her friends in the morning.
- D. Mary usually drinks tea with her friends the morning.

2. Peter/ have/ lunch/ kitchen/ the moment.

- A. Peter are having lunch in the kitchen at the moment.
- B. Peter is having lunch in the kitchen at the moment.
- C. Peter have lunch in the kitchen at the moment.
- D. Peter has lunch in the kitchen at the moment.

3. You/ take/ umbrella/ because/ it/ rain.

- A. You should take an umbrella because it are raining.
- B. You should take an umbrella because it raining.
- C. You should takes an umbrella because it is raining.
- D. You should take an umbrella because it is raining.

4. How/ butter/ you/ need/ make/ cake?

- A. How much butter does you need to make a cake?
- B. How many butter do you need to make a cake?
- C. How much butter do you need to make a cake?
- D. How many butter does you need to make a cake?

5. The black coat/ short/ than/ the brown one.

- A. The black coat is shorter than the brown one.
- B. The black coat are shorter than the brown one.
- C. The black coat is more short than the brown one.
- D. The black coat are more short than the brown one.

6. The sofa/ comfortable/ the chair.

- A. The sofa is comfortabler than the chair.
- B. The sofa is comfortable than the chair.
- C. The sofa is more comfortable than the chair.
- D. The sofa are more comfortable than the chair.

7. He/ want/ buy/ some/ new/ furniture/ house.

- A. He want buy some new furniture for his house.
- B. He wants buy some new furniture for his house.
- C. He want to buy some new furniture for his house.
- D. He wants to buy some new furniture for his house.

MÔN: HĐTN-HN 6

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

- + Điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường học tập mới
- + Tự chăm sóc bản thân
- + Ứng phó với thiên tai
- + Tự bảo vệ trong tình huống nguy hiểm
- + Chia sẻ về việc sắp xếp góc học tập gọn gàng, ngăn nắp
- + Giao tiếp trên mạng xã hội và giao tiếp phù hợp

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

- 50% trắc nghiệm
- 50% tự luận.

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Khi bão xảy ra, biện pháp nào sau đây không đảm bảo an toàn cho bản thân?

- A. Nếu đang ở ngoài tìm chỗ trú ẩn an toàn.
- B. Kiểm tra và ngắt các thiết bị điện.
- C. Nếu đang ở nhà cần đóng chặt cửa và ở trong nhà.
- D. Đứng gần cây cối to, cột điện và sử dụng điện thoại để liên lạc.

Câu 2. Dấu hiệu nhận biết hiện tượng dông, sét là gì?

- A. Nước dâng cao do mưa ở vùng đầu nguồn trong thời gian ngắn.
- B. Gió xoáy mạnh kèm theo gió giật, mưa to, làm đổ cây cối, nhà cửa.
- C. Tia chớp, sét chạy ngoằn ngoèo kèm theo tiếng sấm nổ rền vang, gió thổi mạnh và mưa to.
- D. Hiện tượng thiếu nước nghiêm trọng.

Câu 3. Bạn Hoa thường xuyên ngồi học ở bàn ăn vì góc học tập của bạn để rất nhiều sách vở. Vậy theo em bạn Hoa nên làm như thế nào?

- A. Cần sắp xếp sách vở ngăn nắp và ngồi học ở góc học tập để tập trung hơn.
- B. Bỏ bớt sách vở, đồ dùng học tập đi.
- C. Vẫn ngồi ở bàn ăn để đi lại cho tiện
- D. Để sách vở xuống giường ngủ để lấy chỗ ngồi học

Câu 4. Việc nào sau đây nên làm khi giải quyết vấn đề nảy sinh trong gia đình?

- A. Tranh cãi nhau
- B. Trách mắng nhau.
- C. Đổ lỗi cho nhau.
- D. Lắng nghe suy nghĩ để thấu hiểu vấn đề.

Câu 5. Ngủ đủ từ 7- 8 tiếng/ngày, đi ngủ trước 23 giờ thể hiện điều gì?

- A. Không biết chăm sóc bản thân.
- B. Nghỉ ngủ không đúng giờ.
- C. Tự chăm sóc bản thân.
- D. Ngủ nghỉ không khoa học.

Câu 6. Biểu hiện nào sau đây không phù hợp khi giao tiếp với mọi người?

- A. Lắng nghe mọi người nói.
- B. Trả lời mọi người với thái độ tôn trọng.
- C. Lễ phép.
- D. Tỏ thái độ khinh thường.

Câu 7. Thiên tai là

- A. hiện tượng do con người gây lên chỉ gây thiệt hại về tài sản, môi trường .
- B. hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường và các hoạt động kinh tế- xã hội.
- C. hiện tượng do con người gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường và các hoạt động kinh tế- xã hội.
- D. hiện tượng tự nhiên xảy ra có quy luật gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường và các hoạt động kinh tế- xã hội.

Câu 8. Khi giải quyết vấn đề nảy sinh chúng ta cần chú ý điều gì?

- A. Trách mắng làm tổn thương người thân để lần sau không lặp lại vấn đề.
- B. Đem lại không khí hào thuận và không gây tổn thương cho người thân

- C. Giải quyết cho xong vấn đề.
- D. Gây mất đoàn kết trong gia đình

Câu 9. Góc học tập là nơi

- A. cất giữ đồ vật kỉ niệm.
- B. để cất giữ trang phục, phụ kiện.
- C. cất giữ đồ dùng cá nhân.
- D. cất giữ sách vở, đồ dùng học tập và học tập hằng ngày.

Câu 10. Hành vi nào sau đây phù hợp với thầy cô giáo ở trường?

- A. Lễ phép, tôn trọng thầy cô.
- B. Thái độ vô lễ.
- C. Thường xuyên nói chuyện trong giờ học.
- D. Nói trống không với thầy cô.

Câu 11. Khi gặp các vấn đề nảy sinh trong gia đình, chúng ta cần làm gì?

- A. Giải quyết cho xong vấn đề
- B. Tranh cãi, mắng chửi nhau
- C. Giải quyết nhưng vẫn còn khúc mắc, tổn thương cho người khác.
- D. Nhận diện và tìm cách giải quyết vấn đề sao cho hoà thuận

Câu 12. Việc nào sau đây nên làm khi giải quyết vấn đề nảy sinh trong gia đình?

- A. Không nghe giải thích vấn đề
- B. Đổ lỗi cho nhau.
- C. Nhẹ nhàng khuyên bảo nhau.
- D. Tranh cãi nhau

Câu 13. Khi gặp vấn đề khó khăn trong cuộc sống em sẽ làm như thế nào?

- A. Lo lắng, suy nghĩ tiêu cực.
- B. Bình tĩnh, lạc quan để tìm cách giải quyết.
- C. Căng thẳng, bi quan trước vấn đề.
- D. Không làm bất cứ điều gì.

Câu 14. Sắp xếp góc học tập gọn gàng, ngăn nắp có tác dụng gì?

- A. Ngồi học không thoải mái.
- B. Dễ dàng và nhanh chóng lấy đồ dùng học tập .
- C. Tốn nhiều diện tích.
- D. Khó lấy sách vở, đồ dùng học tập.

Câu 15. Hiện tượng nào sau đây là thiên tai?

- A. Động đất.
- B. Ô nhiễm nước sông .
- C. Cháy rừng.
- D. Chặt, phá rừng.

Câu 16. Điều nào sau đây là đúng khi giao tiếp với người lớn?

- A. Chú ý lắng nghe và nói lễ phép.
- B. Trả lời trống không.
- C. Không nghe mọi người nói.
- D. Tỏ thái độ không thích.

Câu 17. Cách nào dưới đây thể hiện chăm sóc đáng về bề ngoài phù hợp với lứa tuổi?

- A. Mặc quần áo, trang phục gọn gàng.
- B. Lựa chọn trang phục theo sở thích.
- C. Lựa chọn trang phục không theo hoạt động.
- D. Lựa chọn trang phục không cần theo lứa tuổi.

Câu 18. Chế độ ăn uống như thế nào thể hiện tự chăm sóc bản thân?

- A. Ăn 2 bữa nhưng ăn nhiều thức ăn.
- B. Ăn đủ 3 bữa, đủ chất dinh dưỡng.
- C. Thực phẩm không cần quan trọng nguồn gốc.
- D. Ăn đủ 3 bữa nhưng chỉ ăn rau.

Câu 19. Điều nào sau đây là phù hợp khi giao tiếp với em nhỏ?

- A. Không chú ý, vừa nghe vừa chơi game.
- B. Nhẹ nhàng, dễ dàng em nhỏ.
- C. Tỏ thái độ khinh thường.
- D. Quát, mắng em nhỏ.

Câu 20. Quan sát hình ảnh và nhận xét nào sau đây phù hợp với góc học tập sau?

- A. Góc học tập còn bừa bộn.
- B. Ghế sắp xếp chưa đúng vị trí ngồi học.
- C. Góc học tập gọn gàng ngăn nắp.
- D. Sách vở để trên giá sách chưa đúng quy định.



Câu 21. Những việc em nên làm để phù hợp với môi trường học tập mới?

- A. Chủ động làm quen với bạn bè mới để lập nhóm đi chơi trong và sau giờ học.
- B. Lập thời gian biểu phù hợp với môi trường học tập mới.
- C. Mong chờ thầy cô sẽ chăm sóc, nâng niu giống khi còn học tiểu học.
- D. Chơi với các bạn cũ và chỉ quan tâm tới một số môn học nhất định.

Câu 22. Việc nào không nên làm khi thiết lập mối quan hệ gần gũi, kính trọng thầy cô?

- A. Tôn trọng, lễ phép với thầy cô.
- B. Giấu dốt, không để thầy cô biết mình chưa hiểu bài.
- C. Mạnh dạn chủ động hỏi những điều chưa hiểu hoặc xin lời khuyên, tư vấn.
- D. Cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ thầy cô khi cần thiết.

Câu 23. Khi xảy ra mâu thuẫn với bạn, em nên làm gì?

- A. Nói xấu sau lưng bạn hoặc đưa thông tin sai sự thật về bạn.
- B. Gặp bạn để trò chuyện thẳng thắn, chân thành, giải quyết khúc mắc.
- C. Mắng và đánh bạn, rủ rê các bạn khác tẩy chay, không giúp đỡ bạn.
- D. Không chơi với bạn và kéo bè phái, tránh tiếp xúc với bạn.

Câu 24. Hành vi nào thể hiện năng lực giao tiếp phù hợp?

- A. Chào hỏi, thể hiện sự vui vẻ thân thiện và quan tâm.
- B. Không tôn trọng, lắng nghe và đôi khi làm tổn thương người khác.
- C. Lời nói thô tục, lỗ mắng, không kính trên, nhường dưới.
- D. Nói lời cay nghiệt, không quan tâm cảm xúc của người khác.

Câu 25. Để luôn tự tin trong học tập thì chúng ta cần

- A. trên lớp tích cực quan sát, lắng nghe, học hỏi về nhà chịu khó học bài.
- B. chép hết vào vở về nhà học thuộc.
- C. đến lớp mượn vở bài tập của các bạn chép đầy đủ.
- D. xin cô cho ngồi cạnh bạn học giỏi để tiện nhìn bài bạn.

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Xác định những việc cần làm để bảo vệ bản thân khi có bão.

Câu 2: Nhà bạn Lan ở nhà chung cư tầng 22, thấy có hiện tượng động đất, nếu em là Lan em sẽ làm gì?

Câu 3: Em hãy nêu được ít nhất 4 việc làm tự chăm sóc bản thân của em?

Câu 4: Tình huống: Nam đi học muộn nên cổng trường đã đóng. Đang lung túng không biết làm thế nào thì Nam thấy bóng dáng bác bảo vệ. Nam vội gọi bác và nói: "Bác mở cửa nhanh đi, muộn cháu rồi". Theo em cách giao tiếp như Nam là đúng hay sai? Nếu là Nam, em sẽ làm gì?

MÔN: GDCD 6

A/ HỆ THỐNG BÀI HỌC

1. Tự hào về truyền thống gia đình dòng họ.
2. Yêu thương con người.
3. Siêng năng kiên trì.
4. Tôn trọng sự thật.
5. Tự lập.
6. Tự nhận thức bản thân.

B/ BÀI TẬP:

1. Nắm được khái niệm trong mỗi bài học và trả lời được các câu hỏi, bài tập sau mỗi bài học trong SGK.
2. Tạo được tình huống, giải quyết được một số tình huống có liên quan đến từng chủ đề bài học.
3. Tìm, giải thích được một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, danh ngôn,... liên quan đến từng chủ đề.
4. Liên hệ bản thân, điều chỉnh hành vi sao cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức ở từng chủ đề.

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

Câu 1. Bạn N ham mê trò chơi điện tử, nên dành rất ít thời gian cho việc học. Kết quả là bạn học rất kém, cô giáo chủ nhiệm đã gọi điện về thông báo với gia đình. Trong trường hợp này, nếu em là bạn của N em sẽ làm gì?

- A. Đi nói xấu bạn với các bạn trong lớp.
- B. Mặc kệ, vì đây là lựa chọn của bạn.
- C. Khuyến bạn giảm chơi điện tử, chăm chỉ học tập.
- D. Nhờ bạn dạy mình thêm những trò mới.

Câu 2. Em đã làm những việc gì để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ?

- A. Xấu hổ vì sự nghèo nàn của quê hương và dòng họ.
- B. Nghề truyền thống là nghề đã lạc hậu.
- C. Giới thiệu về nghề truyền thống của gia đình và dòng họ.
- D. Chỉ muốn quảng bá về nghề đang thịnh hành của quê hương.

Câu 3. Khi đi xe buýt bạn A thấy một phụ nữ mang thai, trông cô ấy rất mệt mỏi. Vì xe rất đông nên không có chỗ ngồi. Thấy vậy, bạn A đã nhanh chóng nhường ghế cho cô ấy. Việc làm của bạn A thể hiện điều gì?

- A. Thích thể hiện mình trước đông người.
- B. Tinh thần tôn trọng người lớn tuổi hơn mình.
- C. Lòng yêu thương con người.
- D. Muốn được mọi người trên xe khen mình.

Câu 4. Câu ca dao, tục ngữ nào dưới đây thể hiện tình yêu thương con người?

- A. Có công mài sắt có ngày nên kim.
- B. Thương người như thể thương thân.
- C. Giấy rách phải giữ lấy lề.
- D. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

Câu 5. Hành vi nào dưới đây **không** thể hiện việc tự nhận thức bản thân?

- A. L thường tỏ ra khó chịu và không quan tâm đến những điều các bạn góp ý.
- B. T lấy giấy liệt kê điểm mạnh, điểm yếu của mình để đặt ra mục tiêu cho phù hợp.
- C. V rất thích vẽ và nhờ mẹ đăng kí cho mình lớp học vẽ trên thị trấn.
- D. K thường tìm ra lỗi trong bài kiểm tra của mình để nhờ các bạn giải thích.

Câu 6. Câu tục ngữ: "Siêng làm thì có, siêng học thì hay" biểu hiện của đức tính nào dưới đây?

- A. Trung thực, thành khẩn.
- B. Trung thành, khiêm tốn.
- C. Tiết kiệm thời gian.
- D. Siêng năng, kiên trì.

Câu 7. Câu tục ngữ "Thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng" nói về điều gì?

- A. Tôn trọng sự thật.
- B. Yêu thương con người
- C. Tính tự lập.
- D. Tôn sư trọng đạo.

Câu 8. Dòng họ bạn A luôn động viên con cháu theo ngành Y để chữa bệnh cứu người, nối tiếp truyền thống của thế hệ trước trong gia đình. Năm nay anh của A đã thi đỗ vào đại học Y. Việc làm đó của anh A thể hiện điều gì?

- A. Kế thừa truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ.
- B. Quan tâm động viên con cháu trong gia đình, dòng họ.
- C. Yêu thương, động viên con cháu trong gia đình, dòng họ.
- D. Giúp đỡ, khích lệ con cháu trong gia đình, dòng họ.

Câu 9. Ngay từ nhỏ ông B có tật nói lắp. Nhưng hàng ngày do ông chịu khó tập luyện và cuối cùng đã trở thành một nhà diễn thuyết nổi tiếng thế giới. Việc ông B thấy được điểm yếu của mình để rèn luyện là thể hiện điều gì?

A. Tự nhận thức bản thân.

B. Sự tự phê bình mình.

C. Sự thay đổi tính cách.

D. Mặc cảm bản thân.

Câu 10. Ngày mai, lớp của T đi dã ngoại nhưng bạn không tự chuẩn bị mà nhờ chị gái chuẩn bị đồ dùng mang đi. Việc làm đó của T thể hiện điều gì?

A. Tự lập.

B. Tự ti.

C. Tự tin.

D. Ý lại.

Câu 11. Biểu hiện nào sau đây thể hiện tính tự lập ?

A. Tìm mọi thủ đoạn thể mình được thành công.

B. Dựa dẫm vào gia đình để vươn lên trong cuộc sống.

C. Luôn dựa vào người khác, nếu mình có thể nhờ được.

D. Không trông chờ, dựa dẫm, ý lại vào người khác.

Câu 12. Câu tục ngữ nào dưới đây khuyên chúng ta giữ gìn truyền thống văn hóa tốt đẹp của gia đình dòng họ?

A. Qua cầu rút ván.

B. Có đi có lại mới toại lòng nhau.

C. Giấy rách phải giữ lấy lề.

D. Vung tay quá chán.

Câu 13. Quan điểm nào dưới đây **không** đúng khi nói về tự nhận thức bản thân?

A. Mỗi người không ai giống nhau hoàn toàn.

B. Mỗi người có những điểm mạnh, điểm yếu riêng.

C. Mỗi người đều có mặt tốt và tự hào giống nhau.

D. Mỗi người có hạn chế, yếu kém riêng của mình.

Câu 14. Việc làm nào dưới đây thể hiện tôn trọng sự thật?

A. Bảo vệ đến cùng ý kiến của mình không cần lắng nghe ý kiến người khác.

B. Tránh tham gia vào những việc không liên quan đến quyền lợi của mình.

C. Phê phán gay gắt những người không cùng quan điểm với mình.

D. Phê phán những việc làm sai trái, không đúng sự thật trong hiện thực.

Câu 15. Trên đường đi học, em thấy bạn cùng trường bị xe hỏng phải dắt bộ, trong khi đó chỉ còn 15 phút nữa là vào lớp. Trong tình huống này em sẽ làm gì?

A. Coi như không biết vì không liên quan đến mình.

B. Đi bên cạnh, trêu cho bạn bức tức rồi phóng xe tới trường.

C. Phóng xe thật nhanh đến trường không sẽ muộn học.

D. Đèo bạn mang xe đi sửa sau đó đèo bạn đến trường.

Câu 16. “Biết nhìn nhận, đánh giá về khả năng, thái độ, hành vi, việc làm, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.” được gọi là gì?

A. Tự nhận thức về bản thân.

B. Tự trọng.

C. Thông minh.

D. Có kĩ năng sống.

Câu 17. “Đức tính con người biểu hiện ở sự cần cù, tự giác, miệt mài, làm việc thường xuyên, đều đặn.” là khái niệm nào dưới đây?

A. Trung thực.

B. Kiên trì.

C. Tự giác.

D. Siêng năng.

Câu 18. “Quan tâm, giúp đỡ người khác, làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những người khó khăn, hoạn nạn.” là nội dung khái niệm nào dưới đây?

A. Đồng cảm và thương hại.

B. Thương hại người khác.

C. Giúp đỡ người khác.

D. Yêu thương con người.

Câu 19. Ý nghĩa nào dưới đây thể hiện việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ?

A. Có thêm tiền tiết kiệm.

B. Có rất nhiều bạn bè trong đời sống.

C. Có thêm sức mạnh trong cuộc sống.

D. Không phải lo về việc làm.

Câu 20. Mỗi buổi tối, cứ ăn cơm xong là bạn H giúp mẹ dọn dẹp, rửa bát sau đó lấy sách vở ra học bài. Việc làm đó của H thể hiện H là người như thế nào?

A. Tự lập.

B. Tự ti.

C. Ý lại.

D. Tự tin.

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Em hãy kể tên những truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ? Theo em truyền thống gia đình, dòng họ có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân? Lấy ví dụ bản thân đã biết tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ?

Câu 2: Dựa vào nội dung đã học em hãy cho biết yêu thương con người là gì? Khi chúng ta biết yêu thương mọi người thì sẽ giúp chúng ta điều gì? Lấy ví dụ về hành động thể hiện tình yêu thương con người?

Câu 3: Thế nào là siêng năng kiên trì? Siêng năng kiên trì có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi chúng ta? Lấy ví dụ thể hiện người có đức tính siêng năng kiên trì?

Câu 4: Sự thật là gì? Biểu hiện của người biết tôn trọng sự thật? Tôn trọng sự thật giúp chúng ta điều gì trong cuộc sống? Liên hệ bản thân em về hành vi biết tôn trọng sự thật?

Câu 5: Theo em thế nào là tự lập? Biểu hiện của người có đức tính tự lập là gì? Lấy ví dụ về bản thân em đã biết tự lập trong cuộc sống?

Câu 6: Tự nhận thức đúng về bản thân sẽ giúp em điều gì? Để tự nhận thức về bản thân em cần làm gì? Liên hệ bản thân em đã tự nhận thức về bản thân như thế nào?

Câu bài tập tình huống

Tình huống 1: Bình và A chơi thân với nhau và ngồi cùng bàn. Trong tiết kiểm tra Toán, B đã nhiều lần sử dụng tài liệu. Khi giáo viên hỏi: “Các em có thấy bạn nào đang sử dụng tài liệu không?”. A lúc đấy im lặng không trả lời, A nghĩ “ B là bạn mình mình không thể phò nó được”.

a/ Em có đồng tình với hành vi của A hay không? Vì sao?

b/ Nếu em là A trong trường hợp đó em sẽ làm gì?

Tình huống 2: Trong buổi học Tiếng Anh trên lớp. Giáo viên giao cho các con hoàn thành bài kiểm tra Tiếng Anh trên phần mềm Hanoistudy. L và A chơi thân với nhau, L nhanh chóng hoàn thành bài tập cô giao. A nói với Liên “ Ê mày! Làm luôn cho tao với đặng nào cũng đang tiện mở máy.”

a/ Em có đồng tình với hành vi của A hay không? Vì sao?

b/ Nếu em là L trong trường hợp đó em sẽ làm gì?

MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 6

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. PHẦN LỊCH SỬ

1. Học sinh ôn tập lại kiến thức các bài: 6,7,8.
2. Nội dung chính:
 - Bài 6. Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy
 - Bài 7. Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại
 - Bài 8. Ấn Độ cổ đại

B. PHẦN ĐỊA LÍ

1. Học sinh ôn tập kiến thức các bài:
2. Nội dung chính: *Trái Đất – Hành tinh của hệ Mặt Trời.*
 - Trái Đất trong hệ Mặt Trời.
 - Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

- 50% trắc nghiệm + 50% tự luận.

III. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

A. PHẦN LỊCH SỬ

Câu 1: Việc phát minh ra kim loại có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống kinh tế và xã hội của người nguyên thủy?

Câu 2:

a. Nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại được hình thành ở đâu? Ngành kinh tế chủ yếu của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại là gì?

b. Vì sao nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà sớm được hình thành trên lưu vực những dòng sông lớn?

Câu 3: Hãy kể tên hai vật dụng hay lĩnh vực mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng từ chính phát minh của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.

Câu 4: Trình bày những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại. Thành tựu văn hóa nào của Ấn Độ cổ đại vẫn được sử dụng cho đến ngày nay?

B. PHẦN ĐỊA LÍ

Câu 1: Trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất.

Câu 2: Một trận bóng đá diễn ra ở Việt Nam lúc 17 giờ ngày 14/9/2024 (múi giờ thứ 7) thì lúc này ở Nhật Bản (múi giờ thứ 9) là mấy giờ?

Câu 3 : Hãy trình bày hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa trên Trái Đất.

Câu 4: Nghỉ hè năm nay, bố cho An đi du lịch ở Ô-xtrây-li-a. An không hiểu tại sao bố lại dặn chuẩn bị nhiều đồ ấm để làm gì. Em hãy giải thích cho An.

Câu 5: Hãy mô tả sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt trời và hệ quả của nó?

----- **Hết** -----

MÔN: NGỮ VĂN 6

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Phần văn bản

1. YÊU CẦU CHUNG VỀ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:

- Nắm được đặc trưng của văn bản kí, văn bản nghị luận.
- Chỉ ra được đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của các văn bản.
- Cảm nhận và nêu được bài học, thông điệp, tình cảm của tác giả qua các văn bản.

2. TRI THỨC NGỮ VĂN

Bài 3: Kí (Hồi kí và du kí)

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (người kể ngôi thứ nhất, tính xác thực, cách kể sự việc, hình thức ghi chép,...), nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc người viết,...) của văn bản hồi kí hoặc du kí.

Bài 4: Văn bản nghị luận (Nghị luận văn học)

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...), nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của các văn bản nghị luận văn học.

II. Phần tiếng Việt

- Cấu tạo từ: từ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn,
- Hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ.
- Các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ.
- Công dụng dấu chấm phẩy trong văn viết.

III. Phần tập làm văn.

Dạng 1: Viết bài kể lại một kỉ niệm đáng nhớ của bản thân.

Dạng 2: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP TỰ LUYỆN

DẠNG 1: CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU VỀ VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

ĐỀ 1

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

THẨM SÁU HỒNG NGÀI

Đường vào Hồng Ngài vất vả hơn những gì chúng tôi tưởng. Sau đoạn đường đất đầu tiên, đi thẳng xuống con đường phía đang làm dang dở, đi xuống những đoạn dốc dựng đứng của một con thác, cuối cùng chúng tôi đến với bản đầu tiên.

Đây cũng là bản duy nhất cho đến tận khi đến được với Hồng Ngài, cách nhau gần 7 ki-lô-mét. Hồng Ngài xa xôi, dễ làm nản lòng tất cả những người muốn đến bản bởi những con dốc dài nối nhau đi rụng rời chân mà vẫn không hết, Núi non sông nước trùng trùng, những mái nhà lúp xúp xa xa, thấp thoáng sau những cánh đồng, khuất sau những khe núi...

Chúng tôi đi vòng qua những thửa ruộng bậc thang đã gặt trụi, vài con trâu chậm rãi nhai cỏ, tiếng đập lúa giã gạo trong tiếng nước chảy đều đặn. Đoạn đường đi ngược lên qua rất nhiều ngã ba mà chúng tôi không thể hỏi được đường ai vì xung quanh không có lấy một nhà dân, một bóng người hay tiếng chó sủa nào. Cứ đi theo bản năng và cảm giác của bản thân mà bước tới. Đường dốc và trơn hơn bên ngoài rất nhiều, chiếc ba lô mang theo cứ muốn trêu đùa vai xuống. Hơn hai tiếng đi bộ, đôi chân đã muốn rời ra vì

không biết đường tiếp theo phải đi về đâu. Những cánh rừng bạt ngàn cây thảo quả đã giành chỗ của những cánh đồng lúa từ lúc nào. Cho đến lúc này, chúng tôi đang đi xuyên trong rừng rậm, xuyên qua những rừng thảo quả bạt ngàn, đó cũng là nguồn sản vật đem lại sự giàu có cho Hồng Ngài. Từ bao đời nay, người Hồng Ngài chưa hề có đường xe máy. Dù đi bất cứ đâu ngoài bản cũng chỉ bằng đôi chân. Con đường đang được xây dựng dang dở bên ngoài dự kiến trong vài năm tới sẽ đưa vào sử dụng. Đường đã bắt đầu khởi công hai năm nay.

Trời buông màn nhanh chóng sau rừng núi xa. Thời tiết ở vùng núi thay đổi nhanh không ngờ. Vừa tắt nắng đã thấy khí lạnh vội vã ập về và trời tối sẫm một màu. Ngã ba tiếp theo trước mặt, lại thêm một lựa chọn khó khăn. Mọi người quyết định đi thêm một tiếng nữa, nếu không thấy ngôi nhà nào sẽ quay lại bản vừa đi qua xin nghỉ lại. Sau gần nửa tiếng thì bất ngờ một vài ngôi nhà hiện ra từ phía bên kia núi.

Không kể xiết những niềm vui mà chúng tôi cảm thấy lúc này, thật sự may mắn. Những đôi chân rảo bước nhanh hơn, những mệt mỏi tan biến, nụ cười lại nở trên môi. Mấy nóc nhà nhìn thì gần thế mà phải mất thêm hơn nửa tiếng, đi xuyên ngang qua một dãy núi nữa mới tới được đến nơi. [...]

Sau bốn tiếng đi bộ và 10 ki-lô-mét đường núi đi qua, chúng tôi đặt chân đến điểm sâu nhất của tỉnh Lào Cai: Hồng Ngài – mảnh đất màu mỡ với những cánh rừng thảo quả, những ngôi nhà trình tường tuyệt đẹp. Trong hai năm tới, con đường vào với vùng đất này sẽ được hoàn tất, vẻ đẹp của Hồng Ngài sẽ được nhiều người biết đến hơn nữa trong những chuyến đi tiếp sau.

Hồng Ngài – cô gái xinh đẹp đang trở mình sau những mưa lũ đã qua.

(Theo LAM LINH, vnexpress.net)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Đoạn văn trên viết theo thể loại nào?

- A. Truyện ngắn.
- B. Truyện thuyết.
- C. Cổ tích.
- D. Kí.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?

- A. Biểu cảm.
- B. Tự sự.
- C. Miêu tả.
- D. Nghị luận.

Câu 3. Trong những từ sau, từ nào là từ mượn?

- A. ki-lô-mét.
- B. Lào Cai.
- C. cánh đồng.
- D. xinh đẹp.

Câu 4. Câu nào nêu đúng nội dung chính của văn bản trên?

- A. Tác giả kể lại những gì đã thấy ở bản Hồng Ngài.
- B. Tác giả đã kể lại chuyến đi vất vả đến bản Hồng Ngài.
- C. Tác giả kể về những cây thảo quả ở bản Hồng Ngài.
- D. Tác giả kể về thời tiết và nhà cửa ở bản Hồng Ngài.

Câu 5. Nhận xét nào sau đây nêu đúng tính chất du kí của văn bản này?

- A. Ghi lại một chuyến đi diễn ra chưa lâu mà mình đã trải qua.
- B. Ghi lại những sự việc đã xảy ra trong quá khứ xa.
- C. Ghi lại những câu chuyện của các danh nhân nổi tiếng.
- D. Ghi lại những câu chuyện tưởng tượng trong quá khứ.

Câu 6. Câu nào chứa cảm xúc của người viết?

- A. Núi non sông nước trùng trùng, những mái nhà lúp xúp xa xa, thấp thoáng sau những cánh đồng, khuất sau những khe núi.
- B. Trong hai năm tới, con đường vào với vùng đất này sẽ được hoàn tất, vẻ đẹp của Hồng Ngài sẽ được nhiều người biết đến hơn nữa trong những chuyến đi tiếp sau.
- C. Không kể xiết những niềm vui mà chúng tôi cảm thấy lúc này, thật sự may mắn.
- D. Dù đi bất cứ đâu ngoài bản cũng chỉ bằng đôi chân.

Câu 7. Từ “chân” trong câu “Dù đi bất cứ đâu ngoài bản cũng chỉ bằng đôi chân.” không cùng nghĩa với từ “chân” trong câu nào sau đây?

- A. Hơn hai tiếng đi bộ, đôi chân đã muốn rời ra.
- B. Giặc đã đến chân núi Trâu.
- C. Tôi đã phải thông một chân qua khung xe.
- D. Nước ngập đến tận khoeo chân.

Câu 8. Thông điệp mà tác giả muốn gửi tới người đọc qua đoạn văn trên là gì?

- A. Ca ngợi phẩm chất dũng cảm, bất khuất của con người ở bản Hồng Ngài.
- B. Con người ở bản Hồng Ngài chăm chỉ, cần cù, chịu khó.
- C. Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên ở bản Hồng Ngài.
- D. Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước Việt Nam.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 9: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn sau: “Hồng Ngài – cô gái xinh đẹp đang trở mình sau những mưa lũ đã qua.”

Câu 10: Từ nội dung văn bản trên, em hãy viết 2-3 dòng nhận xét về con đường đến bản Hồng Ngài.

ĐỀ 2

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

CON CÒ TRONG CA DAO

(1) Trong ca dao dân ca Việt nam, có rất nhiều bài nói đến con cò. Những câu ca dao hay và có lẽ cũng rất cổ của ta, hầu hết mở đầu bằng “con cò...”: con bay lả bay la, con cò bay bổng bay cao, con cò lặn lội bờ ao, con cò trắng bạch như vôi, con cò vàng, con cò kìa, con cò quăm, ... Tại sao trong khi hát, nhân dân lao động Việt Nam lại hay nói nhiều đến loài chim ấy mà không nói đến loài chim khác?

(2) Trong các loài chim kiếm ăn ở đồng ruộng, chỉ có con cò thường gần gũi với người nông dân hơn cả. Những lúc cày cuốc, cấy hái, người nông dân Việt Nam thường thấy con cò bên họ: con cò lội theo luống cày, con cò bay trên đồng lúa bát ngát, con cò đứng trên bờ ruộng rìa lông, rìa cánh, ngắm nghía người nông dân làm lụng.

(3) BẠN thân nhất của người nông dân trong lao động và sản xuất là con trâu. Nhưng trâu phải cái nặng chình chịch, đi đứng vững vàng thật, nhưng chậm chạp, sống một cuộc đời gò bó, vất vả không mấy lúc thành thơi, cho nên chỉ những lúc nghỉ đến cuộc đời nhọc nhằn, cực khổ của mình, người nông dân mới liên hệ đến con trâu, con vật tiêu biểu nhất cho sức sản xuất nơi đồng ruộng.

(4) Còn những lúc người dân lao động Việt Nam xúc cảm, tâm trí muốn vươn lên, muốn ca hát cho tâm hồn bay bổng thoải mái trong khi làm lụng, thì chỉ có con cò gợi

hứng cho họ nhiều. Con cò trắng bạch kia tuy ngày đêm lặn lội, nhưng nhiều lúc lại bay lên mây xanh. Nó cũng vất vả, nhưng có vẻ trong trắng, thanh cao, có những lúc nó vẫy vùng thoải mái, nó sống một cuộc đời mà người dân lao động nước ta thời xưa hằng mong ước.

(Theo Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB Văn học. Hà Nội, 2002)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Mục đích chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Cung cấp thông tin về con cò và người nông dân
- B. Bày tỏ tình cảm của người viết với con cò
- C. Giải thích vì sao trong ca dao hay nhắc tới con cò
- D. Giới thiệu, thuyết minh về con cò và người nông dân

Câu 2. Phương án nào sau đây thể hiện rõ yếu tố nghị luận trong đoạn trích trên?

- A. Nhân vật và sự việc
- B. Lí lẽ và bằng chứng
- C. Lời kể và người kể
- D. Thời gian và địa điểm

Câu 3. Câu nào sau đây là câu nêu vấn đề để bàn luận?

- A. Trong ca dao dân ca Việt Nam, có rất nhiều bài nói đến con cò.
- B. Tại sao trong khi hát, nhân dân lao động lại hay nói nhiều đến con cò?
- C. Những câu ca dao hay và cổ nhất của ta, hầu hết mở đầu bằng “con cò..”.
- D. Bạn thân nhất của người nông dân trong lao động và sản xuất là con trâu.

Câu 4. Ý nào sau đây nêu đúng nhiệm vụ của đoạn (1) trong văn bản trên?

- A. Giải thích vấn đề cần bàn luận
- B. Nêu vấn đề cần bàn luận
- C. Chứng minh ý kiến của người viết
- D. Nêu cảm nghĩ của người viết

Câu 5. Ý chính của đoạn (3) là gì?

- A. Khẳng định con trâu là người bạn thân nhất của người nông dân
- B. Miêu tả đặc điểm công việc và tính cách chậm chạp của con trâu
- C. Giải thích vì sao và khi nào người nông dân mới liên hệ đến con trâu
- D. Chứng minh con trâu là tiêu biểu nhất cho sức sản xuất nơi đồng ruộng

Câu 6. Câu nào sau đây nêu được ý chính của đoạn (4)?

- A. Con cò mới là người bạn thân nhất của người nông dân khi lao động.
- B. Con cò tuy ngày đêm lặn lội nhưng nhiều lúc lại bay lên mây xanh.
- C. Cuộc sống của con cò cũng vất vả nhưng có vẻ trong trắng, thanh cao.
- D. Con cò phù hợp với tâm trạng muốn ca hát khi làm lụng của nông dân.

Câu 7. Dòng nào nêu bằng chứng làm sáng tỏ cho lí lẽ: “Những câu ca dao hay và có lẽ cũng rất cổ của ta, hầu hết mở đầu bằng “con cò...””?

- A. Những lúc cày cuốc, cấy hái, người nông dân thường thấy con cò bên họ
- B. Con cò bay lả bay la, con cò bay bổng bay cao, con cò lặn lội bờ ao,...
- C. Con cò lội theo luống cày, con cò bay trên đồng lúa bát ngát,...
- D. Con cò trắng kia tuy ngày đêm lặn lội, nhưng nhiều lúc lại bay lên mây xanh.

Câu 8. Dòng nào sau đây nói đúng về hiện tượng từ mượn trong văn bản Con cò trong ca dao?

- A. Ít sử dụng từ mượn
- B. Không sử dụng từ Hán Việt
- C. Chỉ dùng từ thuần Việt
- D. Có sử dụng từ tiếng Anh

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 9. Hãy nêu một vài câu ca dao hoặc bài thơ có hình ảnh con cò mà em biết.

Câu 10. Thông qua văn bản trên, bằng 3-4 câu văn, trình bày suy nghĩ của em về phẩm chất người nông dân Việt Nam.

DANG 2: VIẾT

Đề 1: *Viết bài văn kể lại một kỉ niệm đáng nhớ của em.*

Đề 2: *Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ lục bát.*

-----HẾT-----

Môn: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 6

I. Nội dung ôn tập.

- Chủ đề: TTTC (Cầu lông).
- Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải.

II. Yêu cầu.

- Học sinh biết cách thực hiện kỹ thuật đánh cầu.

Môn : NGHỆ THUẬT 6

I. Nội dung Âm nhạc.

1. Ôn tập bài hát:

- Bài hát Bụi phấn
 - Bài hát Tình bạn bốn phương
- (Yêu cầu: *Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện đúng tính chất của bài hát.*)

2. Ôn tập bài đọc nhạc.

- Bài đọc nhạc số 3.
- Bài đọc nhạc số 4.

(Yêu cầu: *Đọc đúng cao độ, trường độ, ghép đúng lời ca, biết gõ đệm theo âm hình tiết tấu.*)

3. Ôn tập nhạc cụ: Các mẫu tiết tấu bằng nhạc cụ gõ.

(Yêu cầu *thể hiện đúng mẫu tiết tấu, biết ứng dụng cho bài hát, biết vận dụng bộ gõ cơ thể vào bài hát và đọc nhạc.*)

II. Nội dung Mĩ thuật.

- Tranh in hoa lá.
- Tranh trang phục lễ hội.

(Yêu cầu *biết in tranh hoa lá và tranh trang trí lễ hội, thực hành giấy khổ A4*)

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

A. LÝ THUYẾT: Học sinh ôn các nội dung sau:

1. Chương II: Chất quanh ta

- Oxygen – Không khí

2. Chương III: Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng

- Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực – thực phẩm

3. Chương IV: Hỗn hợp. Tách chất ra khỏi hỗn hợp

- Hỗn hợp các chất.

- Tách chất khỏi hỗn hợp.

4. Chương V: Tế bào

- Tế bào. Đơn vị cơ bản của sự sống.

- Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào.

- Sự lớn lên và sinh sản của tế bào

5. Chương VI. Từ tế bào đến cơ thể

- Cơ thể sinh vật

- Tổ chức cơ thể đa bào

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA: Kết hợp trắc nghiệm và tự luận (70% trắc nghiệm, 30% tự luận)

C. BÀI TẬP THAM KHẢO

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Thành phần các chất trong không khí gồm

A. 9% nitrogen, 90% oxygen, 1% các chất khác.

B. 21% nitrogen, 78% oxygen, carbon dioxide, hơi nước và các khí khác.

C. 50% nitrogen, 50% oxygen.

D. 21% oxygen, 78% nitrogen, 1% carbon dioxide, hơi nước và các khí khác.

Câu 2. Đưa tàn đóm vào bình đựng khí oxygen ta thấy hiện tượng như thế nào?

A. Tàn đóm tắt.

B. Tàn đóm bùng cháy.

C. Tàn đóm bốc

khói.

D. Không hiện tượng.

Câu 3. Thành phần nào của không khí là nguyên nhân chủ yếu gây ra hiệu ứng nhà kính?

A. Oxygen.

B. Hydrogen.

C. Carbon dioxide.

D. Nitrogen.

Câu 4. Tại sao bệnh nhân lại cần đến ống thở khi hô hấp không ổn định

A. Cung cấp oxygen.

B. Tăng nhiệt độ cơ thể.

C. Lưu thông máu.

D. Giảm đau.

Câu 5. Dưới đáy hộp nhựa có biểu tượng  có ý nghĩa là

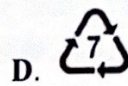
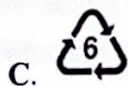
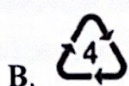
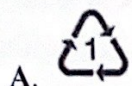
A. an toàn sử dụng trong lò vi sóng.

B. không có chất gây ung thư.

C. sử dụng được trong máy rửa chén.

D. sử dụng được trong tủ lạnh.

Câu 6. Kí hiệu nào biểu thị cho loại nhựa PS (nhựa polystiren), thường có ở các hộp mỳ ăn liền, hộp đựng đồ ăn nhanh, ... và là loại nhựa độc hại, không thể tái chế?



Câu 7. Dựa vào trạng thái, người ta phân thành mấy loại nhiên liệu?

A. 2 loại.

B. 3 loại.

C. 4 loại.

D. 5 loại.

Câu 8. Trong các dụng cụ và thiết bị điện thường dùng, vật liệu cách điện được sử dụng nhiều nhất là

A. sứ.

B. thủy tinh.

C. nhựa.

D. cao su.

Câu 9. Quặng Bauxite là nguyên liệu dùng để sản xuất vật liệu nào?

A. Nhôm.

B. Sắt.

C. Polyme.

D. Chì.

Câu 10. Dầu là nhiên liệu mới thay thế an toàn, thân thiện với môi trường?

A. Dầu diesel.

B. Xăng E5.

C. Xăng E92.

D. Xăng E95.

Câu 11. Vì sao không đun bếp than trong phòng kín?

A. Vì than tỏa nhiều nhiệt dẫn đến phòng quá nóng.

B. Vì than cháy tỏa nhiều khí carbon monoxide, carbon dioxide có thể gây tử vong nếu người quá nhiều trong phòng kín.

C. Vì than không cháy được trong phòng kín.

D. Vì giá thành than khá cao và khó tìm.

Câu 12. Chất tinh khiết là

A. chỉ có một loại chất.

B. chứa một chất chính và nhiều chất phụ

C. từ hai hay nhiều chất trở lên

D. chỉ có hai loại chất duy nhất.

Câu 13. Dung dịch là hỗn hợp đồng nhất của

A. hai chất lỏng.

B. chất rắn và chất lỏng.

C. chất khí và chất lỏng.

D. chất tan và dung môi.

Câu 14. Hỗn hợp có thể tách riêng các chất thành phần bằng cách cho hỗn hợp vào nước, sau đó khuấy kỹ, lọc và cô cạn là

A. đường và muối.

B. bột đá vôi và muối ăn.

C. bột than và bột sắt.

D. giấm và rượu.

Câu 15. Tác dụng chủ yếu của việc đeo khẩu trang là tách

A. hơi nước ra khỏi không khí khi hô hấp.

B. oxygen ra khỏi không khí khi hô hấp.

C. khí carbon dioxide ra khỏi không khí khi hô hấp.

D. khói bụi ra khỏi không khí khi hô hấp.

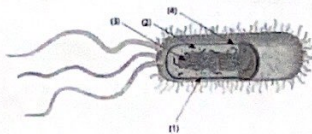
Câu 16. Chức năng của màng tế bào là

A. nơi diễn ra hầu hết các hoạt động sống của tế bào

- B. kiểm soát sự di chuyển của các chất vào và ra khỏi tế bào.
- C. trung tâm kiểm soát hầu hết hoạt động sống tế bào.
- D. chứa vật chất di truyền.

Câu 17. Quan sát tế bào bên và cho biết (3) đang chỉ vào thành phần nào của tế bào?

- A. Màng tế bào.
- B. Vùng nhân.
- C. Nhân tế bào.
- D. Tế bào chất.



Câu 18. Từ một tế bào ban đầu, sau 3 lần phân chia sẽ tạo ra

- A. 3 tế bào con.
- B. 6 tế bào con.
- C. 8 tế bào con.
- D. 12 tế bào con.

Câu 19. Tế bào được cấu tạo từ các thành phần nào?

- A. Màng tế bào, tế bào chất, nhân/vùng nhân.
- B. Vùng nhân, lục lạp, màng tế bào.
- C. Nhân/vùng nhân, tế bào chất, lục lạp.
- D. Vật chất di truyền, màng tế bào, nhân.

Câu 20. Hệ cơ quan là

- A. bao gồm các tổ chức hoạt động thống nhất và phối hợp nhịp nhàng.
- B. tập hợp của nhiều mô cùng thực hiện một chức năng trong cơ thể.
- C. gồm một số cơ quan cùng hoạt động để thực hiện một chức năng nhất định
- D. là tập hợp một nhóm tế bào giống nhau về hình dạng và cùng thực hiện một chức năng nhất định.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Em hãy cho biết những phát biểu dưới đây đúng hay sai bằng cách đánh dấu X vào bảng theo mẫu sau:

Phát biểu	Đúng	Sai
Câu 21. Thành phần của không khí có các tính chất vật lý và vai trò đối với tự nhiên và đời sống con người		
a. Oxygen là chất khí, có màu xanh, không mùi, không vị. Nặng hơn không khí, ít tan trong nước.		
b. Quá trình đốt cháy cần có nitrogen để duy trì, nếu không có oxygen sự cháy không xảy ra.		
Câu 22. Nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm là		
a. Nguyên liệu là vật liệu tự nhiên (vật liệu thô) chưa qua xử lý và cần được chuyển hóa để tạo ra sản phẩm.		
b. Nhờ có chất béo dự trữ dưới da mà các chú gấu có thể chống rét trong mùa đông lạnh giá.		
Câu 23. Để tách chất ra khỏi hỗn hợp		
a. Phương pháp chiết là phương pháp đơn giản nhất để tách cát ra khỏi nước.		
b. Sữa là một dạng huyền phù nên khi để lâu ngày sẽ bị lắng đọng. Việc		

lắc làm trộn đều các chất rắn không tan trong sữa được phân tán đều giúp hương vị ngon hơn.		
Câu 24. Tế bào là “đơn vị chức năng của sự sống” vì		
a. Đa số tế bào chỉ có hình tròn, kích thước hiển vi.		
b. Tế bào nhân sơ có nhân hoàn chỉnh, vật chất di truyền nằm trong nhân được bao bọc bởi màng nhân.		
c. Tế bào nhân thực gồm: vi khuẩn, nấm, động vật		
d. 10 tế bào sau khi phân chia tạo ra 20 tế bào con		
Câu 25. Các cấp độ tổ chức của cơ thể		
a. Các tế bào phối hợp qua một số cấp độ chức: tế bào – mô – cơ quan – hệ cơ quan để tạo thành cơ thể		
b. Mô liên kết có chức năng nâng đỡ, liên kết các cơ quan.		

Phần III. Tự luận.

Câu 1.a. So sánh sự giống và khác nhau của cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào?

b. Viết sơ đồ các cấp độ tổ chức cơ thể? So sánh sự khác nhau của cấp độ tổ chức cơ thể mô và hệ cơ quan?

c. Nêu cấu tạo và chức năng của tế bào?

Câu 2. a. Chất tinh khiết là gì? Thế nào là hỗn hợp/hỗn hợp không đồng nhất/hỗn hợp đồng nhất?

b. Nêu khái niệm nhũ tương, huyền phù.

Câu 3.

a. Giải thích hiện tượng mọc lại đuôi ở thằn lằn khi bị đứt.

b. Vì sao rau, củ, quả không nên bảo quản trong ngăn đá của tủ lạnh?

c. Có 6 tế bào da trải qua 3 lần phân chia. Hỏi sau khi phân chia xong có bao nhiêu tế bào mới được tạo thành?

Câu 4.

a. Vào dịp tết, mẹ bạn An làm mứt dừa cho cả nhà ăn. Khi cả nhà thưởng thức, bố An thấy mứt ngọt quá nên không muốn ăn vì bố bạn đang trong chế độ kiêng đường. Bạn An rất muốn tách bớt đường ra khỏi mứt dừa đã làm để bố có thể ăn được. Theo em, có cách nào để tách bớt đường từ mứt dừa đã làm không?

b. Khai thác dầu mỏ dưới đáy biển thường thu được hỗn hợp dầu mỏ và nước biển. Người ta làm thế nào để tách dầu mỏ ra khỏi hỗn hợp?

Câu 5. Khi đốt cháy 1 lít xăng cần 2 150 lít oxygen và sinh ra 1 350 lít khí carbon dioxide.

Một ô tô khi chạy một quãng đường dài 100 km tiêu thụ hết 9 lít xăng. Hãy tính

a. Thể tích không khí cần cung cấp để ô tô chạy được quãng đường dài 100 km

b. Thể tích khí carbon dioxide đã sinh ra.

(Coi oxygen chiếm 1/5 thể tích không khí).

MÔN TOÁN

A. LÝ THUYẾT

- **Chương I: Số tự nhiên.**

- **Chương II: Số nguyên:** đến hết bài 4. Phép trừ số nguyên. Quy tắc dấu ngoặc.

- **Chương III: Hình học trực quan:** đến hết bài 6. Hình có tâm đối xứng.

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Cho tập hợp $M = \{12; 13; 15; 17\}$. Cách viết nào sau đây là đúng?

- A. $11 \notin M$. B. $12; 13 \in M$. C. $17 \notin M$. D. $16 \in M$.

Câu 2. Tập hợp nào sau đây chỉ gồm các hợp số ?

- A. $\{2; 3; 5\}$. B. $\{3; 5; 6\}$. C. $\{4; 5; 6\}$. D. $\{8; 21; 4\}$.

Câu 3. Kết quả của phép tính $12.25 + 12.75$ bằng

- A. 100 B. 1200 C. 75 D. 12

Câu 4. Nếu $a : b$ ($a, b \in \mathbb{Z}, b \neq 0$) thì

- A. a là bội của b . B. a là ước của b . C. b là bội của a . D. $-b$ là bội của $-a$.

Câu 5. Cho a, b là hai số nguyên âm. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $a + b > 0$ B. $b > 0$ C. $(-a) \cdot (-b) < 0$ D. $a \cdot b > 0$

Câu 6. Tìm số tự nhiên x thỏa mãn $2^x - 15 = 17$.

- A. $x = 2$ B. $x = 3$ C. $x = 4$ D. $x = 5$

Câu 7. Trong các tổng (hiệu) sau, tổng (hiệu) nào không chia hết cho 8 ?

- A. $5 + 56$ B. $48 + 32 + 40$ C. $240 + 160$ D. $240 - 16 + 32$

Câu 8. Trong các số sau số nào không là bội của 7 ?

- A. 14 B. 7 C. 0 D. 1.

Câu 9. Tìm các chữ số x, y biết rằng $\overline{23x5y}$ chia hết cho 2, 5 và 9

- A. $x = 8; y = 0$ B. $x = 6; y = 0$. C. $x = 0; y = 8$. D. $x = 2; y = 5$.

Câu 10. Chu vi của một hình vuông có cạnh bằng 9 cm là bao nhiêu?

- A. 81 B. 9 C. 36 D. 18

Câu 11. Khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Hai góc kề một đáy của hình thang cân bằng nhau.
B. Trong hình thoi các góc đối không bằng nhau.
C. Trong hình chữ nhật hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.
D. Hai đường chéo của hình vuông bằng nhau.

Câu 12. Tứ giác nào vừa có tâm đối xứng vừa có trục đối xứng?

- A. Hình vuông B. Hình chữ nhật C. Hình thang cân D. Hình bình hành

Câu 13. Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào có trục đối xứng?



110a – Cấm xe đạp

102 – Cấm đi ngược chiều

112 – Cấm đi bộ

123 – Cấm rẽ trái

A. Biển 110a.

B. Biển 102.

C. Biển 112.

D. Biển 123.

Câu 14. Trong các hình sau đây hình nào có tâm đối xứng?

96

EF

PQ

Hình 1

Hình 2

Hình 3

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 1 và Hình 3

Câu 15. Kết quả đúng của phép tính $5^3 : 5 + 2 - 3^3 \cdot 3^0$ là

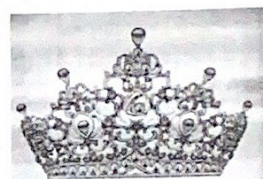
A. 0.

B. 5.

C. 2.

D. 3.

Câu 16. Trong các hình sau hình nào có nhiều hơn 1 trục đối xứng?



Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hình 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

II. Tự luận

Dạng 1: Tính

Bài 1. Thực hiện phép tính (hợp lí nếu có thể):

1) $2.5^2 - 15.2^3 + 26 : 2$

2) $27.121 - 87.27 + 73.34$

3) $2.5^2 + 3 : 71^0 - 54 : 3^3$

4) $2023^0 + 5^7 : 5^5 - 9.(5^2 - 2.3)$

5) $150 + 50 : 5 - 2.3^2$

6) $18 : 3 + 182 + 3.(51 : 17)$

7) $200 : [117 - (23 - 6)]$

8) $12 : \{400 : [500 - (125 + 25.7)]\}$

9) $649 + 527 + (-49) + 73$

10) $465 + [58 + (-465) + (-38)]$

11) $(-37) + 214 + (-214) + (-63)$

12) $(2354 - 45) - 2354$

13) $(-2009) - (234 - 2009)$

14) $(16 + 23) + (153 - 16 - 23)$

15) $(134 - 167 + 45) - (134 + 45)$

16) $-287 + 499 + (-499) + 285$

17) $(-25) + 5 + (-8) - (-25) + (-13);$

17) $1150 - (115 + 1150) + (115 - 39)$

$$19) -13 + 39 - (35 - 13)$$

$$20) -129 + 137 + (-37) + (-171)$$

Dạng 2. Tìm x

Bài 1. Tìm số tự nhiên x sao cho:

$$a) 175 - 5(x + 3) = 85$$

$$c) 565 - 13 \cdot x = 370$$

$$e) 7^{2x-6} = 49$$

$$b) 2x + 19 = 5 \cdot 3^2$$

$$d) (x - 1)^2 = 1$$

$$f) (x - 2)(5 - x) = 0$$

Bài 2. Tìm số tự nhiên x sao cho:

$$a) x \in B(14); 20 < x < 80$$

$$b) 126 : x; 210 : x \text{ và } 15 < x < 30$$

$$c) 24 : x; 96 : x \text{ và } x \text{ lớn nhất}$$

$$d) x : 12; x : 25; x : 30 \text{ và } 0 < x < 500$$

Bài 3. Tìm số nguyên x, biết

$$a) -13 < x < -7$$

$$d) x - 5 = -1$$

$$g) 45 - (x + 17) = -26$$

$$b) -1 \leq x \leq 4$$

$$e) x + 30 = -4$$

$$h) 15 - (x - 4) = -6$$

$$c) -3 \leq x < 2$$

$$f) 18 - x = -8 - (-13)$$

$$i) 3(x + 4) - (8 - x) = 24$$

Bài 4. Tìm các chữ số a, b sao cho:

$$a) \overline{4a} \text{ là số nguyên tố}$$

$$b) \overline{12a} \text{ là hợp số}$$

$$c) \overline{12a5b} \text{ chia hết cho 3 và 5}$$

$$d) \overline{42a5b} \text{ chia hết cho 45}$$

$$e) \overline{42a5b} : 9 : 9 \text{ và chia 5}$$

$$g) \overline{1a5b} \text{ chia hết cho 2, 3, 5, 6, 9}$$

đư 4

Dạng 3. Bài toán thực tế

Bài 1. Cô Lan phụ trách một đội học sinh, cô cần chia số trái cây trong đó 80 quả cam; 36 quả quýt và 104 quả mận vào các đĩa bánh kẹo trung thu sao cho số quả mỗi loại trong các đĩa là bằng nhau. Hỏi có thể chia thành nhiều nhất bao nhiêu đĩa? Khi đó mỗi đĩa có bao nhiêu trái cây mỗi loại?

Bài 2. Một chuyến hàng ủng hộ miền Trung có 300 thùng mì tôm, 240 thùng nước ngọt và 420 lốc sữa. Các cô chú muốn chia thành các phần quà đều nhau về số lượng mì, nước và sữa. Con hãy giúp các cô chú chia sao cho số lượng các phần quà là nhiều nhất.

Bài 3. Học sinh của một trường học khi xếp hàng 3, hàng 4, hàng 7, hàng 9 đều vừa đủ hàng. Tìm số học sinh của trường, cho biết số học sinh của trường trong khoảng từ 1600 đến 2000 học sinh.

Bài 4. Ba xe ô tô cùng chờ nguyên vật liệu cho một công trường. Xe thứ nhất cứ 20 phút chờ được 1 chuyến, xe thứ 2 cứ 30 phút chờ được 1 chuyến và xe thứ 3 cứ 40 phút chờ được 1 chuyến. Lần đầu ba xe khởi hành cùng một lúc. Tính khoảng thời gian ngắn nhất để ba xe cùng khởi hành lần thứ hai. Khi đó, mỗi xe chờ được mấy chuyến?

Bài 5. Một đơn vị bộ đội khi xếp hàng 10; 12 hoặc 15 đều thừa ra 5 người, biết số người của đơn vị trong khoảng từ 320 đến 400 người. Tính số người của đơn vị đó.

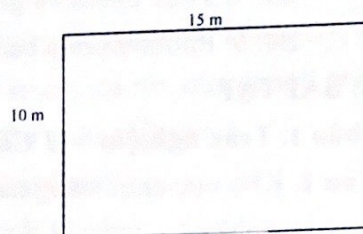
Dạng 4. Các bài tập hình học

Bài 1. Tính chu vi và diện tích các hình sau:

- a) Hình chữ nhật có chiều dài 12cm và chiều rộng 8cm .
 b) Hình vuông có cạnh 6cm .
 c) Hình thang cân có độ dài hai đáy là 4cm và 10cm, chiều cao 4cm, cạnh bên 5cm .
 d) Hình thoi có cạnh 5cm, độ dài hai đường chéo là 6cm và 8cm .
 e) Hình bình hành có độ dài hai cạnh là 10cm và 14cm, chiều cao ứng với cạnh 10 cm là 8cm .

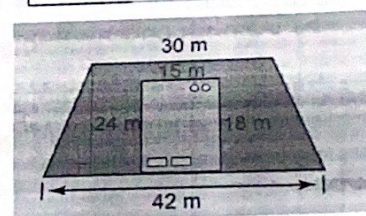
Bài 2. Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng 10 m như hình dưới, cổng vào có độ rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài, phần còn lại là hàng rào.

Hỏi hàng rào của khu vườn dài bao nhiêu mét?



Bài 3. Một ngôi nhà có bãi cỏ bao quanh như hình bên.

- a) Hãy tính diện tích bãi cỏ?
 b) Nếu mỗi túi hạt giống cỏ gieo vừa đủ trên 33 m^2 đất thì cần bao nhiêu túi hạt giống để gieo hết bãi cỏ?



Bài 4. Bác Lan muốn lát gạch một cái sân hình chữ nhật có chiều dài và chiều rộng lần lượt là 12m và 9m . Tiền gạch là $140\,000 \text{ đồng/m}^2$ và tiền công lát (tính cả các vật liệu khác) là $80\,000 \text{ đồng/m}^2$. Bác Lan phải trả tất cả bao nhiêu tiền?

Dạng 5. Nâng cao

Bài 1. Chứng tỏ rằng :

- a) $\frac{12n+1}{30n+2}$ là phân số tối giản; b) $5n+1$ và $6n+1, (n \in \mathbb{Z})$ nguyên tố cùng nhau

Bài 2. Tìm số tự nhiên n sao cho $4n - 5 \vdots 2n - 1$

Bài 3. Cho $(3a + 2b) \vdots 17 (a, b \in \mathbb{Z})$. Chứng minh rằng: $(10a + b) \vdots 17$

Bài 4: Tìm số nguyên x , biết:

- a) $2x - 1$ là bội của $x - 3$; b) $2x + 1$ là ước của $3x + 2$.

Bài 5. a) Cho p là số nguyên tố lớn hơn 3. Biết $p + 2$ cũng là số nguyên tố. Chứng minh rằng: $p + 1$ chia hết cho 6.

- b) Cho p và $p + 4$ là các số nguyên tố ($p > 3$). Chứng minh $p + 8$ là hợp số.

Bài 6. Tìm cặp số tự nhiên x, y biết:

- a) $(x - 2)(y + 7) = 17$; b) $(3 - x)(5 - y) = 2$;
 c) $(2x - 1)(y^2 + 1) = -17$; d) $x \cdot y = 18; x + y = 11$.

MÔN: CÔNG NGHỆ

A. LÝ THUYẾT

HS ôn lại các kiến thức cơ bản của 5 bài:

Bài 1. Khái quát về nhà ở

Bài 2. Xây dựng nhà ở

Bài 3. Ngôi nhà thông minh

Bài 4. Thực phẩm và giá trị dinh dưỡng

Bài 5. Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm

B. BÀI TẬP

Phần I. Trắc nghiệm (1 Câu trắc nghiệm 4 phương án lựa chọn)

Câu 1. Khu vực chức năng nào là nơi để gia chủ bày tỏ lòng thành kính với ông bà, tổ tiên và thần linh?

A. Khu vực sinh hoạt chung.

B. Khu vực thờ cúng.

C. Khu vực ăn uống.

D. Khu vực nghỉ ngơi.

Câu 2. Kiến trúc nhà ở nào đặc trưng cho các vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên?

A. Nhà ba gian.

B. Nhà nôi.

C. Nhà chung cư.

D. Nhà sàn.

Câu 3. Bước chính giúp tạo ra không gian sống, tính thẩm mỹ cho mỗi ngôi nhà là gì?

A. Chuẩn bị vật liệu, kinh phí.

B. Thi công thô.

C. Thiết kế nhà.

D. Hoàn thiện.

Câu 4. Vật liệu nào sau đây không dùng để xây tường?

A. Cát

B. Gạch

C. Ngói

D. Xi măng

Câu 5. Trước khi có người về, nhiệt độ trong phòng giảm xuống cho đủ mát thuộc hệ thống nào trong ngôi nhà thông minh?

A. Hệ thống chiếu sáng thông minh

B. Hệ thống camera giám sát an ninh

C. Hệ thống kiểm soát nhiệt độ

D. Hệ thống giải trí thông minh

Câu 6. Ý nghĩa của việc lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời trên mái nhà là gì?

A. Tạo ra nguồn năng lượng chứa nhiều chất phóng xạ.

B. Tạo ra nguồn năng lượng thân thiện với môi trường tuy hơi đắt, không bền.

C. Tiết kiệm tiền điện phải trả nhưng năng lượng không an toàn.

D. Tạo ra nguồn năng lượng sạch, thân thiện với môi trường và tiết kiệm tiền điện.

Câu 7. Em hiểu thế nào là sử dụng năng lượng điện tiết kiệm và hiệu quả?

A. Sử dụng đúng lúc, sử dụng ít.

B. Sử dụng đúng chỗ, sử dụng ít.

C. Sử dụng ít năng lượng mà vẫn đảm bảo nhu cầu.

D. Sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, sử dụng ít năng lượng mà vẫn đảm bảo được nhu cầu.

Câu 8. Việc làm nào sau đây thể hiện việc ăn không đúng cách?

- A. Nhai kĩ
- B. Vừa ăn vừa xem tivi
- C. Tập trung cho việc ăn uống
- D. Ăn đa dạng các món

Câu 9. Trong các chất dinh dưỡng sau, chất nào không cung cấp năng lượng cho cơ thể?

- A. Đường
- B. Đạm
- C. Chất khoáng
- D. Chất béo

Câu 10. Nhóm thực phẩm cung cấp nhiều chất tinh bột đường là:

- A. Thịt nạc, cá, tôm, trứng, sữa
- B. Ngũ cốc, bánh mì, khoai tây, ngô
- C. Mỡ động vật, dầu thực vật, bơ, vùng
- D. Bắp cải, cà rốt, dưa chuột, nho

Câu 11. Nhóm thực phẩm **mỡ động vật, dầu thực vật, bơ** giàu chất gì?

- A. Vitamin
- B. Chất đạm
- C. Chất béo
- D. Chất khoáng

Câu 12. Loại chất khoáng nào sau đây tham gia vào quá trình cấu tạo và là thành phần của hồng cầu trong máu?

- A. Sắt
- B. Canxi
- C. I ốt
- D. Kẽm

Câu 13. Nhóm thực phẩm nào sau đây cung cấp nhiều chất đạm?

- A. Thịt nạc, cá, tôm, trứng, sữa
- B. Ngũ cốc, bánh mì, khoai, sữa
- C. Mỡ động vật, dầu thực vật, bơ
- D. Ớt chuông, cà rốt, cần tây

Câu 14. Vai trò chủ yếu của vitamin A là

- A. giúp làm sáng mắt
- B. kích thích ăn uống
- C. tốt cho da
- D. góp phần vào sự phát triển của hệ thần kinh

Câu 15. Gạo cung cấp chất thiết yếu nào nhiều nhất cho cơ thể?

- A. Vitamin
- B. Tinh bột
- C. Chất đạm
- D. Chất béo

Câu 16. Bệnh thiếu máu có thể là do cơ thể thiếu khoáng chất nào?

- A. Kẽm
- B. Sắt
- C. Canxi
- D. Iot

Câu 17. Thiếu chất dinh dưỡng nào sau đây gây khô mắt có thể dẫn tới mù lòa?

- A. Vitamin K
- B. Vitamin D
- C. Vitamin A
- D. Vitamin C

Câu 18. Phương pháp làm lạnh có thể bảo quản thực phẩm trong thời gian bao lâu?

- A. Trên 7 ngày
- B. Vài tháng
- C. Từ 3 đến 7 ngày
- D. Vài tuần

Câu 19. Chất được sử dụng phổ biến trong phương pháp ướp là

- A. Đường
- B. Bột quế
- C. Muối
- D. Bột tỏi

Câu 20. Người ta tiến hành làm khô thực phẩm bằng cách nào?

- A. Phơi dưới ánh nắng mặt trời
- B. Cất trong tủ lạnh
- C. Có thể phơi hoặc sử dụng máy sấy
- D. Rang trên bếp than.

Câu 21. Phương pháp chế biến nào có ưu điểm là có độ giòn, độ ngọt?

- A. Luộc
- B. Kho
- C. Nướng
- D. Rán

Câu 22. Bảo quản thực phẩm là quá trình xử lý thực phẩm với mục đích gì?

- A. Kéo dài thời gian sử dụng thực phẩm, nhưng không an toàn
- B. Không đảm bảo dinh dưỡng dù vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- C. Kéo dài thời gian sử dụng mà vẫn đảm bảo chất dinh dưỡng, chất lượng của thực phẩm
- D. Để thực phẩm lâu hơn dù không ngon nữa.

Câu 23. Phương pháp nào **không thuộc** phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt?

- A. Luộc
- B. Kho
- C. Nướng
- D. Trộn hỗn hợp

Câu 24. Lượng nước tối thiểu một ngày mỗi người cần uống là bao nhiêu?

- A. 1,5 đến 2 lít
- B. Trên 2 lít
- C. Uống tùy thích
- D. Dưới 1 lít

2. Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở câu 1, câu 2 học sinh chỉ trả lời đúng hoặc sai và ghi chữ “Đ” hoặc “S” đó vào bài làm.

Câu 1. Đối với phương pháp làm lạnh, thực phẩm được bảo quản ở nhiệt độ nào?

- a. -1°C
- b. Trên 7°C
- c. Từ 1°C đến 7°C
- d. Dưới 0°C

Câu 2. Bệnh thiếu máu có thể là do cơ thể thiếu khoáng chất

- a. kẽm
- b. sắt
- c. canxi
- d. Iot

Phần II. Tự luận

Câu 1: Nêu các công việc chính của bước thi công thô? Vai trò của bước thi công thô trong việc xây dựng nhà ở?

Câu 2: Kể tên 3 món ăn thuộc 3 nhóm chất khác nhau mà gia đình em thường dùng? Cho biết chúng thuộc nhóm chất nào? Vai trò của nhóm chất đó với cơ thể con người?

Câu 3: Gia đình em thường bảo quản thực phẩm bằng phương pháp nào? Hãy cho biết một số việc làm nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong bảo quản và chế biến thực phẩm?

MÔN TIN HỌC

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

Chủ đề 2: Mạng máy tính và Internet

Bài 4: Mạng máy tính

Bài 5: Internet

Chủ đề 3: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin

Bài 6: Mạng thông tin toàn cầu

Bài 7: Tìm kiếm thông tin trên Internet

Bài 8: Thư điện tử

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

50% trắc nghiệm (gồm 20 câu) và 50% tự luận

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Một mạng máy tính gồm

- A. tối thiểu năm máy tính được liên kết với nhau
- B. một số máy tính bàn
- C. hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau
- D. tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một nhà

Câu 2: Mạng máy tính không cho phép người sử dụng chia sẻ gì?

- A. Máy in
- B. Bàn phím và chuột
- C. Máy quét
- D. Dữ liệu

Câu 3: Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Trong một mạng máy tính, các tài nguyên như máy in có thể được chia sẻ.
- B. Virus có thể lây lan sang các máy tính khác trong mạng máy tính
- C. Người sử dụng có thể giao tiếp với nhau trên mạng máy tính
- D. Người sử dụng không thể chia sẻ dữ liệu trên máy tính của mình cho người khác trong cùng một mạng máy tính

Câu 4: Thiết bị nào sau đây không phải thiết bị đầu cuối?

- A. Máy tính
- B. Máy in
- C. Bộ định tuyến
- D. Máy quét

Câu 5: Phát biểu nào sau đây sai

- A. Mạng có dây kết nối các máy tính về dây dẫn mạng
- B. Mạng không dây có thể kết nối ở mọi địa hình
- C. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các thiết bị thông minh khác như điện thoại di động, ti vi, tủ lạnh,...
- D. Mạng có dây dễ sửa và lắp đặt hơn mạng không dây vì có thể nhìn thấy dây dẫn

Câu 6: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia
- B. Internet là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu
- C. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu
- D. Internet là mạng kết nối các các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.

Câu 7: Phát biểu nào sau đây không phải là đặc điểm của Internet?

- A. Phạm vi hoạt động toàn cầu
- B. Có nhiều dịch vụ đa dạng
- C. Không thuộc quyền sở hữu của ai
- D. Thông tin chính xác tuyệt đối

Câu 8: Phát biểu nào sau đây không phải là lợi ích của việc sử dụng Internet đối với học sinh?

- A. Giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp nhiều tư liệu làm bài tập dự án
- B. Giúp nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khóa học trực tuyến
- C. Giúp giải trí bằng cách xem mạng xã hội và chơi điện tử suốt cả ngày
- D. Giúp mở rộng giao lưu kết bạn với các bạn ở nước ngoài.

Câu 9: Khi sử dụng các loại thông tin trên mạng cần lưu ý vấn đề là

- A. Các từ khóa liên quan đến thông tin cần tìm
- B. Các từ khóa liên quan đến web
- C. Địa chỉ của trang web
- D. Bản quyền

Câu 10: Website là gì?

- A. Một hoặc nhiều trang web liên quan tổ chức dưới nhiều địa chỉ truy cập
- B. Gồm nhiều trang web
- C. <http://www.edu.net.vn>
- D. Một hoặc nhiều trang web liên quan tổ chức dưới một địa chỉ truy cập chung

Câu 11: Trình duyệt web là

- A. chương trình soạn thảo văn bản
- B. là phần mềm giúp người dùng truy cập vào các trang web trên internet
- C. trình thiết kế web
- D. trình soạn thảo web

Câu 12: Word Wide Web là gì?

- A. Một trò chơi máy tính
- B. Một phần mềm máy tính
- C. Một hệ thống các website trên internet
- D. Tên khác của Internet

Câu 13: Mỗi website bắt buộc phải có

- A. Tên cá nhân hoặc tổ chức sở hữu
- B. Địa chỉ trụ sở của đơn vị sở hữu
- C. Một địa chỉ truy cập
- D. Địa chỉ thư viện.

Câu 14: Phần mềm giúp người sử dụng truy cập các trang web trên Internet gọi là gì?

- A. Trình duyệt web
- B. Địa chỉ web

C. Website

D. Công cụ tìm kiếm.

Câu 15: Trong các tên sau đây, tên nào không phải tên của trình duyệt web?

A. Internet Explorer

C. Google Chrome

B. Mozilla Firefox

D. Window Explorer

Câu 16: Địa chỉ trang web nào sau đây hợp lệ?

A. <https://www.tienphong.vn>

C. <https://haiha002@gmail.com>

B. WWW\\tienphong.vn

D. [https \:www.tienphong.vn](https://www.tienphong.vn)

Câu 17: Nút  trên trình duyệt web có nghĩa là

A. xem lại trang hiện tại

C. đi đến trang liền sau

B. quay về trang liền trước

D. quay về trang chủ.

Câu 18: Cách nhanh nhất để tìm thông tin trên WWW mà không biết địa chỉ là

A. hỏi địa chỉ người khác rồi ghi ra giấy, sau đó nhập địa chỉ vào thanh địa chỉ

B. nhờ người khác tìm hộ

C. đi chuyển lần theo đường liên kết của các trang web

D. sử dụng máy tìm kiếm để tìm kiếm với từ khóa.

Câu 19: Máy tìm kiếm là gì?

A. Một chương trình bảo vệ máy tính khỏi virus

B. Một chương trình sắp xếp dữ liệu trên máy tính của bạn

C. Một động cơ cung cấp sức mạnh cho Internet

D. Một website đặc biệt hỗ trợ người sử dụng tìm kiếm thông tin trên Internet.

Câu 20: Từ khóa là gì?

A. Là từ mô tả chiếc chìa khóa

B. Là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung cần tìm kiếm do người sử dụng cung cấp

C. Là tập hợp các từ mà máy tìm kiếm quy định từ trước

D. Là một biểu tượng trong máy tìm kiếm.

Câu 21: Tên nào sau đây là tên của máy tìm kiếm?

A. Google

B. Word

C. Windows Explorer

D. Excel

Câu 22: Để tìm kiếm thông tin về virus Corona, em sử dụng từ khóa nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm?

A. Corona

C. "Virus Corona"

B. Virus Corona

D. "Virus"+"Corona"

Câu 23: Em cần biết thông tin gì của người mà em muốn gửi thư điện tử cho họ?

A. Địa chỉ nơi ở

C. Loại máy tính đang dùng

B. Mật khẩu thư

D. Địa chỉ thư điện tử.

Câu 24: Đặc điểm nào sau đây không phải ưu điểm của thư điện tử?

A. Gửi và nhận thư nhanh chóng

B. Ít tốn kém

- C. Có thể gửi và nhận thư mà không gặp phiền phức gì
- D. Có thể gửi kèm tệp

Câu 25: Địa chỉ thư điện tử có dạng là gì?

- A. Tên đăng nhập @ địa chỉ máy chủ thư điện tử
- B. Tên đường phố @ Viết tắt của tên quốc gia
- C. Tên người sử dụng & Tên máy chủ của thư điện tử
- D. Tên đường phố # Viết tắt của tên quốc gia

Câu 26: Địa chỉ thư điện tử bắt buộc phải có ký hiệu nào?

- A. \$
- B. &
- C. @
- D. #

Câu 27: Địa chỉ nào sau đây là thư điện tử?

- A. www.nxbgd.vn
- B. thcsthanham@gmail.com
- C. thcsthanham.edu.vn
- D. hoa675439@gf@gmail.com

Câu 28: Khi đăng ký thành công một tài khoản thư điện tử, em cần nhớ gì để có thể đăng nhập vào lần sau?

- A. Tên đăng nhập và mật khẩu
- B. Tên nhà cung cấp dịch vụ Internet
- C. Ngày tháng năm sinh đã khai báo
- D. Địa chỉ thư của những người bạn.

Câu 29: Khi đặt mật khẩu cho thư điện tử của mình, em nên đặt mật khẩu như thế nào để đảm bảo tính bảo mật?

- A. Mật khẩu là dãy số từ 0 đến 9
- B. Mật khẩu có ít nhất 8 ký tự gồm chữ cái, chữ số và kí tự đặc biệt
- C. Mật khẩu là ngày sinh của mình
- D. Mật khẩu giống tên địa chỉ thư.

Câu 30: Với thư điện tử, phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Một người có thể gửi thư cho chính mình ở cùng địa chỉ thư điện tử
- B. Tệp tin đính kèm thư có thể chứa virus, vậy nên cần kiểm tra độ tin cậy trước khi tải về
- C. Hai người có thể có địa chỉ thư điện tử giống hệt nhau
- D. Có thể gửi một thư cho nhiều người cùng lúc.

II. Phần tự luận:

Bài 1: Internet là gì? Lợi ích của Internet?

Bài 2: Tại sao phải lựa chọn từ khóa tìm kiếm phù hợp?

Bài 3: Nêu hiểu biết của em về thư điện tử

Bài 4: Nêu ưu và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử.